

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2018

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị X - sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn P, xã S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường G - sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn Ch, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Hiện anh G đang chấp hành án tại Đội 34, phân trại số 1, trại giam L, tỉnh P thuộc Tổng cục VIII - Bộ công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 26 tháng 9 năm 2017 và các lời khai, tại phiên tòa chị Tạ Thị X trình bày:

Chị Tạ Thị X tự nguyện kết hôn cùng anh Nguyễn Trường G ngày 09/12/2005, được đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T. Sau khi kết hôn anh G về chung sống cùng chị X tại nhà bố mẹ đẻ chị X tại thôn P, xã S. Chị X không về làm dâu gia đình anh G. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng trên một năm phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh G có biểu hiện nghiện ma túy, chị khuyên bảo anh G không tiếp thu. Từ đó vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi nhau. Khoảng tháng 4 năm 2007, anh G về nhà bố mẹ đẻ anh

G ở tại thôn Ch, xã L, huyện T. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm, thăm hỏi nhau.

Tháng 10 năm 2016 anh G đã vi phạm pháp luật, tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B xử phạt 3 năm tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" hiện anh G đang chấp hành án tại Đội 34, phân trại số 1, trại giam T, tỉnh P, thuộc tổng cục VIII - Bộ công an. Nay chị X xác định tình cảm giữa chị và anh G không còn, chị xin được ly hôn với anh G.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Trường G vắng mặt nhưng anh G đã có bản tự khai có trong hồ sơ, anh G trình bày:

Anh kết hôn cùng chị Tạ Thị X vào ngày 09/12/2005, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi kết hôn anh G về ở cùng chị X tại nhà bố mẹ đẻ chị X tại thôn H, xã S. Chị X không về làm dâu gia đình anh G, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong thời gian ngắn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng anh không hợp nhau, thường xuyên to tiếng cãi nhau. Khoảng tháng 4 năm 2007 anh G bỏ về nhà bố mẹ anh G ở tại thôn Ch, xã L, huyện Tân Yên. Vợ chồng anh ly thân không quan tâm thăm hỏi nhau.

Tháng 10 năm 2016 anh G vi phạm pháp luật, phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Đội 34, phân trại số 1, trại giam T, tỉnh P thuộc tổng cục VIII - Bộ công an. Nay chị X xin ly hôn, anh G đồng ý ly hôn chị X.

Về con chung: Chị Tạ Thị X và anh Nguyễn Trường G đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 26/6/2006. Hiện đang ở cùng chị X. Chị X cho rằng vợ chồng chị ly hôn chị xin nuôi Nguyễn Duy H không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Nguyễn Trường G cho rằng vợ chồng anh ly hôn anh đồng ý để cho chị X tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Duy H. Chị X không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh đồng ý.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị Tạ Thị X và anh Nguyễn Trường G đều thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBNTQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử chị X được ly hôn với anh G.

+ Về con chung: Giao cho chị X nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Duy H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

+ Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Tạ Thị X và anh Nguyễn Trường G kết hôn ngày 09/12/2005, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T được xác lập là tự nguyện, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Tạ Thị X cho rằng: sau khi chị X, anh G kết hôn, anh G cùng chị X về chung sống ở thôn H, xã S. Chị X không về làm dâu gia đình anh G. Tình cảm vợ chồng chị hòa thuận, hạnh phúc khoảng trên một năm phát sinh, chị X cho rằng anh G có biểu hiện nghiện ma túy. Chị khuyên bảo nhiều lần, anh G không sửa đổi dẫn đến vợ chồng chị to tiếng, cãi nhau. Khoảng tháng 4 năm 2007 anh G bỏ về nhà bố mẹ anh G ở tại thôn Ch, xã, huyện T. Vợ chồng chị ly thân từ đó không quan tâm thăm hỏi nhau.

Tháng 10 năm 2016 anh G đã vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại Đội 34, phân trại số 1, trại giam T, tỉnh P thuộc tổng cục VIII - Bộ công an. Tại phiên tòa hôm nay chị X giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh G.

Anh Nguyễn Trường G vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh G đã có bản tự khai có trong hồ sơ, anh G cho rằng: anh kết hôn cùng chị X ngày 09/12/2005, được đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi kết hôn anh G, chị X về sinh sống cùng bố mẹ chị X tại thôn H, xã S. Chị X không về làm dâu gia đình anh G. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn vợ chồng đã mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau. Trầm trọng nhất khoảng tháng 4 năm 2007 anh G bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh sinh sống ở tại thôn Ch, xã L, huyện T. Từ đó vợ chồng ly thân không quan tâm thăm hỏi nhau.

Đến tháng 10 năm 2016 anh G đã vi phạm pháp luật, phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Đội 34, phân trại số 1, trại giam T, tỉnh P thuộc tổng cục VIII - Bộ công an. Giữa anh G và chị X chấm dứt mọi quan hệ, không liên lạc với nhau. Chị X xin ly hôn, anh G đồng ý ly hôn chị X.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị X và anh G trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho chị X được ly hôn với anh G là phù hợp được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: tại bản tự khai của chị X và tại phiên tòa chị X trình bày, anh G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai. Chị X, anh G đều cho rằng vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 26/6/2006, hiện đang ở cùng chị X. Chị X cho rằng vợ chồng chị ly hôn chị X xin nuôi Nguyễn Duy H không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với anh G đồng ý để chị X tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy H, chị X không yêu cầu anh G đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh G đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy: thực tế kể từ ngày chị X, anh G ly thân Nguyễn Duy H vẫn ở với chị X nuôi dưỡng đảm bảo về thể chất, tinh thần, cháu H được đến trường học, đồng thời cháu H có bản tự khai có nguyện vọng ở với chị X. Xét thấy, chị X có đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống nuôi con. Đối với anh G đang chấp hành án. Do vậy, anh G không đủ điều kiện nuôi con.

Xét nguyện vọng của chị X, anh G tự thống nhất thỏa thuận việc giao con và nuôi dưỡng con chung để chị X nuôi Nguyễn Duy H là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận tiếp tục giao con chung cho chị X nuôi dưỡng Nguyễn Duy H là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu của chị X không yêu cầu anh G phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này được quy định tại khoản 3 điều 82, khoản 2 điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung; tài sản riêng; trích chia công sức trong thời gian ở chung; nghĩa vụ chung về tài sản: chị X, anh G không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Đối với anh Nguyễn Trường G là bị đơn đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời anh G cũng được Tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh G vắng mặt. Anh G đơn xin vắng mặt về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vậy Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 4 Điều 207; khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về án phí: chị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, Khoản 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Cho chị Tạ Thị X được ly hôn anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị X tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 26/6/2006. Anh Nguyễn Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Tạ Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0003952 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Tạ Thị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Yên;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hoàng Văn Cường

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Sửu Trần Anh Dũng

Hoàng Văn Cường

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Sửu Trần Anh Dũng

Hoàng Văn Cường

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Yên;
- UBND xã Lam Cốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Cường

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Sửu Đào Xuân Hải

Hoàng Văn Cường

